



THE
WORLD
BANK



Dự án VnSAT - Chuyển đổi nông nghiệp bền vững

BẢN TIN TUẦN

Tuần 32 (từ 6/8 – 10/8/2018)



ĐIỂM TIN

Giá Robusta kỳ hạn tuần này tăng nhẹ

Giá Arabica kỳ hạn tuần này giảm 25 USD so với tuần trước

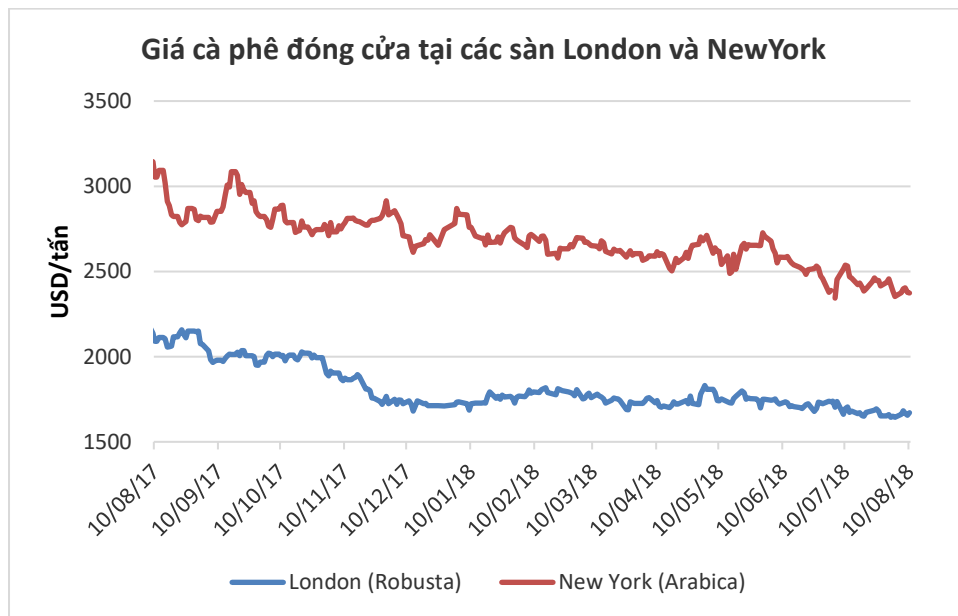
Ước tính tiêu thụ cà phê toàn cầu tăng trong niên vụ này

Sản lượng thu hoạch cà phê tháng 7 tại Colombia giảm trong khi xuất khẩu tăng

Dự báo sản lượng cà phê tại Indonesia tăng trong niên vụ tới

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Giá cà phê đóng cửa tại các sàn London và NewYork



Nguồn: Sàn kỳ hạn ICE, www.theice.com

Giá cà phê Robusta bình quân trên sàn kỳ hạn London tuần này đạt 1.667 USD/tấn, tăng 17 USD so với tuần trước và vẫn thấp hơn 21,6% so với cùng kỳ năm 2017. Giá cao nhất trong tuần đạt 1.682 USD/tấn, giá thấp nhất là 1.655 USD/tấn [1].

Giá cà phê Arabica bình quân trên sàn kỳ hạn New York tuần qua đạt 2.386 USD/tấn, giảm 25 USD so với tuần trước và thấp



hơn 19,7% so với cùng thời điểm năm 2017. Giá cao nhất trong tuần đạt 2.404 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần đạt 2.373 USD/tấn [1].

Tổ chức cà phê quốc tế ICO dự báo tiêu thụ cà phê toàn cầu niên vụ 2017/18 sẽ đạt 161,23 triệu bao, tăng 0,82% so với dự báo trước đó. Dù ước tính tiêu thụ tăng nhưng với sản lượng được dự báo tăng mạnh tại Brazil năm nay, dự kiến cà phê toàn cầu vẫn sẽ dư thừa 5 – 8 triệu bao [2].

Trong khi đó, theo một cuộc khảo sát của Reuters với các chuyên gia và thương nhân hàng hóa hàng đầu về cà phê cho thấy, thị trường cà phê toàn cầu niên vụ 2018/19 có thể dư thừa 5 triệu bao cà phê. Tuy nhiên, nhiều chuyên gia nhận định vụ mùa năm 2019 tại Brazil sản lượng có thể giảm 5,5 triệu bao khiến nguồn cung giảm và giá cà phê có thể tăng trở lại trong năm tới [4].

Liên đoàn người trồng cà phê Colombia cho biết, sản lượng cà phê của nước này trong tháng 7 là 1,05 triệu bao, thấp hơn 23,45% so với cùng kỳ năm ngoái. Lũy kế sản lượng cà phê Colombia trong 10 tháng đầu niên vụ 2017/18 đạt 11,68 triệu bao, thấp hơn 3,55% so với cùng kỳ niên vụ trước. Trong khi đó, xuất khẩu cà phê nước này trong tháng vừa qua tăng 5,46%, đạt 1,06 triệu bao đưa lũy kế xuất khẩu cà phê 10 tháng đầu niên vụ đạt 10,77 triệu bao, vẫn thấp hơn 3,65% so với cùng kỳ niên vụ trước. Mức giảm cả về sản lượng và xuất khẩu của Colombia trong niên vụ cà phê này đã được dự báo trước từ cuối năm ngoái khi điều kiện thời tiết gây ảnh hưởng xấu đến cây cà phê trong giai đoạn nuôi quả [2].

Hiệp hội các nhà xuất khẩu và công nghiệp cà phê Indonesia dự báo sản lượng cà phê của nước này trong niên vụ 2018/19 ước đạt 11 triệu bao, tăng 15,8% (1,5 triệu bao) so với niên vụ cà phê năm nay. Tuy nhiên, do mức tiêu thụ cà phê trong nước ngày càng tăng nên dự kiến xuất khẩu cà phê niên vụ mới sẽ chỉ tăng 6,38% lên mức 8,33 triệu bao [4].



ĐIỂM TIN

Giá cà phê tại một số tỉnh Tây Nguyên và giá cà phê giao ngay tại cảng Sài Gòn (FOB) không biến động nhiều so với tuần trước

Xuất khẩu cà phê Việt Nam tháng 7 tăng 31,7% về lượng và tăng 5,7% về giá trị so với cùng kỳ năm ngoái

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC



Nguồn: CTV dự án VNSAT thu thập

Giá cà phê tại khu vực Tây Nguyên tuần này không biến động nhiều so với tuần trước. Tại Đắk Lắk, giá cà phê bình quân đạt 35.009 đ/kg, tương đương mức giá tuần trước và vẫn thấp hơn 23,3% so với cùng kỳ năm 2017. Tại Lâm Đồng, giá cà phê tăng 236 đồng so với tuần trước, đạt 34.664 đ/kg, và vẫn thấp hơn 23% so với cùng kỳ năm trước [5].

Trong khi đó, giá cà phê xuất khẩu giao ngay (FOB) tại cảng Sài Gòn tuần này tăng nhẹ theo xu hướng giá cà phê Robusta trên sàn London, đạt 1.552 USD/tấn, tăng 1,4% so với tuần trước và vẫn thấp hơn 24% so với cùng kỳ năm 2017 [7].

Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, xuất khẩu cà phê Việt Nam tháng 7/2018 đạt 132.777 tấn, kim ngạch thu về đạt 249,6 triệu USD, tăng 31,7% về lượng và tăng 5,7% về giá trị so với cùng kỳ năm ngoái [7].

Theo tin từ Reuters, các thương nhân ở Việt Nam dự đoán xuất khẩu cà phê trong tháng 8 sẽ chỉ khoảng 1,67 – 2 triệu bao. Ngoài ra, tồn kho cà phê của nông dân hiện nay đang ở mức khá thấp và giá cả giảm mạnh nên thương mại tại thị trường nội địa cũng rất vắng vẻ. Trong khi đó, các nhà sản xuất cà phê



trên thế giới cũng đều lên tiếng bày tỏ sự quan ngại khi giá cà phê duy trì ở mức thấp kéo dài như hiện nay. Nếu tình trạng này không sớm cải thiện sẽ dẫn đến thực tế là nông dân ít chăm bón cho vườn cà phê hơn do thiếu chi phí và một diện tích không nhỏ sẽ chuyển đổi sang cây trồng khác. Kết quả là, sản lượng cà phê thế giới trong vài năm tới có thể giảm [8].

Theo khảo sát của Bloomberg, sản lượng cà phê tại bốn tỉnh của khu vực Tây Nguyên, chiếm hơn 90% sản lượng của Việt Nam, sẽ tăng hơn 4% trong giai đoạn 2018 - 2019, theo ước tính trung bình trong một cuộc điều tra riêng của các sở nông nghiệp tỉnh Đắk Lắk, Gia Lai, Lâm Đồng và Đắk Nông. Trong đó, sản lượng cà phê khu vực tỉnh Lâm Đồng đạt 477.000 tấn vụ mùa tới, tăng từ mức 454.000 tấn trong năm nay. Người tiêu dùng Việt Nam có xu hướng thích cà phê rang xay hơn cà phê hòa tan, mặc dù tiêu thụ cà phê hòa tan ở mức thấp nhưng đang có chiều hướng gia tăng do ngày càng nhiều người nước ngoài sinh sống ở các thành phố lớn tại Việt Nam [8].

Nguồn tham khảo:

- [1]. <https://www.theice.com/index>
- [2]. <https://www.agra-net.com/agra/international-coffee-report/>
- [3]. <http://trademap.org/>
- [4]. <http://scasa.co.za>
- [5]. CTV tổng hợp giá cà phê và tin cà phê tại địa phương;
- [6]. Chi cục BVTV các tỉnh Tây Nguyên
- [7]. <https://www.customs.gov.vn/default.aspx>
- [8]. <http://giacaphe.com/>



Phụ lục: Giá cà phê tại các tỉnh Tây Nguyên tuần này

ĐVT: đồng/kg

Tỉnh/Huyện	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Biến động so tuần trước
Đắk Lắk						
<i>Giá đại lý</i>						
Cư M'gar (xô vối)	35.267	35.500	35.200	34.900	35.000	133
Ea H'leo (xô vối)	35.133	35.433	35.167	34.900	35.033	80
Krông Năng (xô vối)	34.867	35.033	34.833	34.767	34.933	27
<i>Giá công ty</i>						
Cư M'gar (xô vối)	35.600	35.800	35.500	35.200	35.300	120
Ea H'leo (xô vối)	35.500	35.800	35.500	35.200	35.300	40
Krông Năng (xô vối)	35.200	35.300	35.100	34.900	35.100	40
Lâm Đồng						
<i>Giá đại lý</i>						
Bảo Lâm (xô vối)	34.600	35.000	34.600	34.300	34.400	53
Lâm Hà (xô vối)	34.900	35.300	35.100	34.800	34.600	450
Đà Lạt (xô chè)	40.667	40.667	41.167	40.000	39.667	-233
<i>Giá công ty</i>						
Bảo Lâm (xô vối)	35.100	35.500	35.100	34.800	34.900	53
Lâm Hà (xô vối)	35.500	35.883	35.700	35.400	35.200	407
Đà Lạt (xô chè)	41.667	41.667	42.167	41.000	40.667	-233
Đắk Nông						
<i>Giá đại lý</i>						
Đắk Mil (xô vối)	35.050	35.300	35.250	35.100	35.100	90
Đắk R'lấp (xô vối)	35.133	35.333	35.033	34.733	34.933	73
Đắk Song (xô vối)	35.250	35.450	35.150	34.850	35.050	100
<i>Giá công ty</i>						
Đắk Mil (xô vối)	35.400	35.700	35.600	35.450	35.400	20
Đắk R'lấp (xô vối)	35.467	35.667	35.367	35.067	35.267	120
Đắk Song (xô vối)	35.600	35.800	35.500	35.200	35.400	140



Gia Lai						
<i>Giá đại lý</i>						
Chư Pưh (xô vối)	35.167	35.400	35.067	34.733	35.100	287
Plei ku (xô vối)	35.233	35.433	35.100	34.800	35.167	287
<i>Giá công ty</i>						
Chư Pưh (xô vối)	35.367	35.600	35.300	35.000	35.333	380
Pleiku (xô vối)	35.467	35.633	35.267	35.067	35.367	340
Kon Tum						
<i>Giá đại lý</i>						
Đắk Tô (xô vối)	34.767	34.933	34.733	34.389	34.500	237
Đắk Hà (xô vối)	35.023	35.237	35.020	34.776	34.942	129
<i>Giá công ty</i>						
Đắk Tô (xô vối)	35.300	35.461	35.267	34.922	35.033	224
Đắk Hà (xô vối)	35.369	35.574	35.350	35.095	35.248	130

Nguồn: CTV dự án VnSAT thu thập



Bản tin được thực hiện bởi **AGRO INFO**

VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

Địa chỉ: 16 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội

Email: info@agro.gov.vn

Website: www.agro.gov.vn

